

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND phường Thượng Cát)

I. CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

1. Chủ sử dụng đất: Ủy ban nhân dân phường Thượng Cát

- Địa chỉ thường: TDP Yên Nội, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
- Địa chỉ nơi có đất GPMB: Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội
- Tổng diện tích đất bị thu hồi: 590,0 m2
- + Diện tích đất giao theo NĐ 64/CP là: 0,0 m2
- + Diện tích đất không giao hộ gia đình sử dụng ổn định trước 01/7/2004: 590,0 m2

2. Chủ sở hữu tài sản trên đất: Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Nguyệt (Nga)

- Địa chỉ: TDP Yên Nội, Phường Thượng Cát, Thành phố Hà Nội

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI: HỘ GIA ĐÌNH ÔNG NGUYỄN VĂN NGUYỆT (NGA)

Số TT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (Đồng)	TỈ LỆ (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Đã phê duyệt (đồng)	Điều chỉnh, bổ sung (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = ((7)-(8))	(10)
1	Bồi thường hỗ trợ về đất					118.944.000	118.944.000	0	
	Đất NN không giao hộ gia đình sử dụng trước 1/7/2004	m2	590,0	201.600	100%	118.944.000	118.944.000	0	
2	Bồi thường, hỗ trợ về tài sản					186.565.999	95.823.065	90.742.934	
2.1	Cây cối hoa màu					77.616.000	77.616.000	0	
	Hoa Hoa hồng cao>1m	cây	14.112	5.500	100%	77.616.000	77.616.000	0	
2.2	Bồi thường, hỗ trợ về công trình.					108.949.999	18.207.065	90.742.934	Theo Quyết định số 3062/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận Bắc Từ Liêm
-	Bê xây 110, trát trong: V=(2mx2mx1,5m)=6(m3)								
	Khối lượng gạch xây: (2+1,8)*2*1,5*0,11+(2*2)*0,07=1,53(m3)	m3	1,53	1.315.288	100%	2.012.391	1.609.913	402.478	
	Khối lượng trát: (1,8+1,8)*1,5*2+1,8*1,8=14,04 (m2)	m2	14,04	47.291	100%	663.966	531.173	132.793	
-	Bê xây 110, trát trong: V=(1,6mx1,4mx1,1m) = 2,2(m3)								

B

Số TT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (Đồng)	TỈ LỆ (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Đã phê duyệt (đồng)	Điều chỉnh, bổ sung (đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = ((7)-(8))	(10)
	Khối lượng gạch xây: (1,6+1,2)*2*1,1*0,11+(1,6*1,4)*0,07=0,83(m3)	m3	0,83	1.315.288	100%	1.091.689	810.217	281.472	
	Khối lượng trát: (1,4+1,2)*1,1*2+1,4*1,2)=7,4(m2)	m2	7,40	47.291	100%	349.953	279.963	69.991	
-	Giếng khoan sâu > 25m	giếng	2	3.209.000	100%	6.418.000	5.134.400	1.283.600	
-	Nhà lưới ni lông, khung tre	m2	590,0	10.000	100%	5.900.000	590.000	5.310.000	
-	Hàng rào lưới thép B40	m2	362,8	255.000	100%	92.514.000	9.251.400	83.262.600	
3	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng	m2	590,0	3.000	0%	0	0	0	Không hỗ trợ do hộ gia đình không bàn giao mặt bằng đúng tiến độ
	Tổng cộng (1+2+3):					305.509.999	214.767.065	90.742.934	

III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (1)+(2)+(3)

305.509.999 đồng

IV. Tổng số tiền phải nộp ngân sách:

0 đồng

V. Tổng số tiền BHYT & TĐC sau cân đối: (III-IV)

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;

305.509.999 đồng

Bằng chữ: Ba trăm linh năm triệu, năm trăm linh chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng./.

- Nếu (V)<0 thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

Trong đó: - Tổng số tiền đã phê duyệt:

214.767.065 đồng

- Số tiền điều chỉnh, bổ sung:

90.742.934 đồng

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Tiến